TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST
Ngày: 18-01-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hoàng Anh Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Dương Văn Mạo.**

Ông: **Lưu Xuân Thảo.**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Hoàng Thị Ưu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:* Ông **Hoàng Văn Hòa**- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/TLST-HS, ngày 23 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nông Thanh H, sinh ngày 12/8/2000, tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Thanh H và bà Cà Thị T (đã chết); Vợ, con: Chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Anh **Nguyễn Văn Nh**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1976; Nơi cư trú: T7, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

** Những người làm chứng:*

1 - Anh Đoàn Mạnh T, sinh năm 1997; Vắng mặt.

2 - Anh Lưu Văn Q, sinh năm 1997; Vắng mặt.

3 - Anh Ma Văn H, sinh năm 1998; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 03/8/2020, bị cáo Nông Thanh H đi từ nhà của mình sang nhà bác rể của bị cáo H là anh Nguyễn Văn Nh chơi. Khi sang đến nơi thì bị cáo thấy cửa nhà chính khóa, cửa nhà bếp đóng nhưng không khóa nên bị cáo đã mở cửa bếp đi vào nhà chính. Không thấy ai ở nhà, bị cáo nhìn thấy một chiếc điện thoại di động đang sạc để ở trong túi bóng treo trên tường, lúc này bị cáo H nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại nên bị cáo rút dây sạc, lấy điện thoại cho vào túi quần và đi về nhà. Tại nhà của mình bị cáo tháo chiếc sim điện thoại cất vào ngăn tủ, sau đó đi bộ ra thị trấn. Khi đi đến đoạn cống C thuộc địa phận thôn N, xã Đ, huyện B bị cáo tháo chiếc ốp điện thoại vứt xuống cống. Bị cáo đi đến quán internet ở t2, thị trấn Ch thì gặp Đoàn Mạnh T là bạn của bị cáo. Bị cáo H mượn xe mô tô BKS 29H1-626.63 của T rồi điều khiển đi đến cửa hàng điện thoại Th tại t7, thị trấn Ch, huyện B để bán chiếc điện thoại cho anh Nguyễn Văn Th chủ cửa hàng với giá 1.600.000^{đ} *(Một triệu sáu trăm nghìn đồng)*, được tiền bị cáo quay lại quán điện thoại quán Internet đón T rủ lên huyện P chơi.

Số tiền bán điện thoại bị cáo H đã trả nợ cho Lưu Văn Q trú tại t8, thị trấn Ch, huyện B số tiền 200.000^{đ} *(Hai trăm nghìn đồng)*, trả nợ cho Ma Văn H trú tại thôn T, xã Đ, huyện B số tiền 190.000^{đ} *(Một trăm chín mươi nghìn đồng)*, trả cho Kh bị cáo không biết họ, địa chỉ số tiền 250.000^{đ} *(Hai trăm năm mươi nghìn đồng)*, số tiền còn lại bị cáo H sử dụng để chi tiêu cá nhân, còn lại 18.000^{đ} *(Mười tám nghìn đồng)*.

Khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày khi anh Nguyễn Văn Nh đi làm về thì phát hiện chiếc điện thoại Vivo U10 của mình đã bị mất, anh Nh đã trình báo sự việc đến công an huyện B. Đối với chiếc điện thoại, sau khi mua của bị cáo Nông Thanh H thì anh Nguyễn Văn Th đã bán chiếc điện thoại cho người khác không biết họ tên, địa chỉ của người mua.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 682/KL-HĐĐGTSTTTHS ngày 07/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: Chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo U10 màu đen có giá trị là 3.600.000^{đ} *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng),* 01 sim Viettel thường có giá trị 50.000^{đ} *(Năm mươi nghìn đồng),* ốp nhựa dẻo trong kèm theo điện thoại có giá trị 15.000^{đ} *(Mười lăm nghìn đồng).* Tổng giá trị tài sản định giá là 3.665.000^{đ} *(Ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*.

Với hành vi trên, Bản Cáo trạng số: 01/CT-VKSBB ngày 22/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nông Thanh H về tội: *"Trộm cắp tài sản"*, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Trước Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nông Thanh H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo Nông Thanh H theo Cáo trạng, tại phiên tòa bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự vào bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nông Thanh H phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- Về Hình phạt bổ sung: Qua xác minh bị cáo không có tài sản gì, sống phụ thuộc vào gia đình không có việc làm nên không có thu nhập gì. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội. Trong phần tranh luận bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ

luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) và những người làm chứng Đoàn Mạnh T, Lưu Văn Q vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra họ đã có lời khai đầy đủ và không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo Nông Thanh H tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường; biên bản định giá tài sản và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nông Thanh H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…".

Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý, bảo vệ tài sản để chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn Nh chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo U10, ốp lưng điện thoại và sim điện thoại có tổng giá trị là 3.665.000^{đ} *(Ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần xử lý bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, tiền án, tiền sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt. Chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Trong các giai đoạn tố tụng bị cáo đều *"Thành khẩn khai báo"* về hành vi phạm tội của mình, bị cáo *"phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng"*. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị hại Nguyễn Văn Nh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự, như vậy cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện được tính nhân đạo và lượng khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Song xét thấy bị cáo không có tài sản gì, hiện đang sống phụ thuộc vào gia đình, không có việc làm để tạo ra nguồn thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo U10 màn hình cảm ứng màu đen và ốp lưng của điện thoại thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn Nh. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra công an huyện B đã truy tìm nhưng chưa có kết quả nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với số tiền 18.000^{đ} *(Mười tám nghìn đồng)* tạm giữ của bị cáo, bị cáo khai là số tiền do bán điện thoại lấy trộm của anh Nh. Xét đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu để sung vào ngân sách của Nhà nước.

Đối với 01 (Một) vỏ hộp điện thoại màu trắng, bên ngoài hộp có in chữ Vivo U10, 01 (Một) quyển sổ thông tin và thẻ bảo hành điện thoại Vivo U10, 01 (Một) sim điện thoại của nhà mạng Viettel có số thuê bao 0334806606 tạm giữ của anh Nguyễn Văn Nh trả lại cho anh Nh. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Nh không yêu cầu lấy lại, xét thấy những tài sản đồ vật này không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/12/2020 giữa Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn).

[6] Về các vấn đề khác: Bị cáo đã sử dụng chiếc mô tô biển kiểm soát 29H1-626.xx thuộc quyền sở hữu của anh Đoàn Mạnh T. Tuy nhiên, anh T không biết việc bị cáo lấy xe của mình để thực hiện tội phạm nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Đoàn Mạnh T là có căn cứ pháp luật. Đối với Lưu Văn Q, Ma Văn H và người đàn ông tên Kha (bị cáo không biết họ và địa chỉ) bị cáo đã dùng số tiền bán điện thoại trộm cắp được để trả cho những người này. Tuy nhiên, họ không biết số tiền bị cáo H trả cho họ là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 47; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Thanh H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Xử phạt bị cáo Nông Thanh H 08 *(Tám)* tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 *(Mười sáu)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu số tiền 18.000đ *(Mười tám nghìn đồng)* tạm giữ của bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) vỏ hộp điện thoại màu trắng, bên ngoài hộp có in chữ Vivo U10, 01 (Một) quyển sổ thông tin và thẻ bảo hành điện thoại Vivo U10, 01 (Một) sim điện thoại của nhà mạng Viettel có số thuê bao 0334806606.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/12/2020 giữa Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn).

4. Về án phí: Bị cáo Nông Thanh H phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND huyện B (2);
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người có QL,NVLQ;(1)
- Chi cục THADS huyện B;(1)
- Công an huyện B;(2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;(1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Anh Tuấn